

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1**Môn: Toán - Lớp 3****Bộ sách: Cánh diều****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****A. NỘI DUNG ÔN TẬP****1. Số và phép tính**

- Đọc, viết các số trong phạm vi 1 000
- Phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia trong phạm vi 1 000
- Một phần mấy
- Biểu thức số, tính giá trị của biểu thức

2. Đo lường

- Mi-li-mét
- Gam
- Mi-li-lít
- Nhiệt độ

3. Hình học

- Góc, góc vuông, góc không vuông
- Hình tam giác, tứ giác
- Hình chữ nhật, hình vuông

4. Bài toán có lời văn

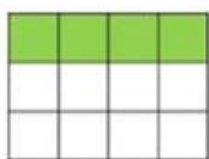
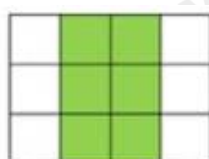
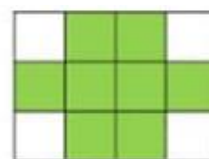
- Gấp một số lên một số lần
- Giảm một số đi một số lần
- Bài toán giải bằng hai bước tính

B. BÀI TẬP**I. Trắc nghiệm**

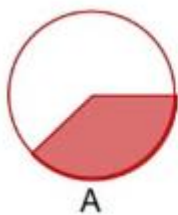
Câu 1. Có 42 học sinh chia đều vào 6 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

- A.** 6 học sinh **B.** 7 học sinh **C.** 8 học sinh **D.** 9 học sinh

Câu 2. Đã tô màu $\frac{1}{2}$ hình nào?

**A****B****C**

Câu 3. Đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình nào?



A



B

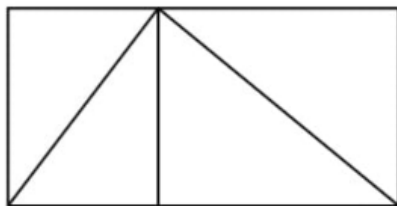


C



D

Câu 4. Trong hình vẽ bên có:



- A. 5 hình tam giác, 5 hình tứ giác
C. 5 hình tam giác, 6 hình tứ giác

- B. 4 hình tam giác, 5 hình tứ giác
D. 4 hình tam giác, 6 hình tứ giác

Câu 5. Cửa hàng có 58 lít dầu, cửa hàng đã bán đi $\frac{1}{2}$ số dầu đó. Hỏi cửa hàng đã bán đi bao nhiêu lít dầu?

- A. 29 lít B. 24 lít C. 26 lít D. 30 lít

Câu 6. Phép chia cho 6 có số dư lớn nhất là:

- A. 1 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 7. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $9\text{dm } 7\text{mm} = \dots\dots \text{mm}$ là:

- A. 97 B. 907 C. 970 D. 790

Câu 8. Một số chia cho 8 được thương là 6 và số dư là 4. Số đó là.

- A. 51 B. 54 C. 53 D. 52

Câu 9. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 54 quyển sách, số quyển sách bán được trong ngày thứ hai giảm đi 6 lần so với ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai cửa hàng đó bán được bao nhiêu quyển sách?

- A. 9 quyển B. 63 quyển C. 8 quyển D. 48 quyển

Câu 10. Mẹ mua bó hoa về cắm vào 3 lọ hoa, mỗi lọ có 7 bông thì còn thừa 2 bông. Hỏi bó hoa lúc đầu của mẹ có bao nhiêu bông hoa?

- A. 12 bông B. 21 bông C. 23 bông D. 25 bông

Câu 11. Cho dãy số 1, 3, 9, 27, 81, ... Số thứ 6 của dãy số là:

- A. 82 B. 108 C. 90 D. 243

Câu 12. Mai có số bông hoa bằng số bông hoa của Hà giảm đi 4 lần. Biết số Hoa của Hà là 96 bông. Tìm số hoa của Mai.

- A. 100 bông B. 24 bông C. 42 bông D. 92 bông

Câu 13. Bà có 79 kg gạo nếp. Bà định cho số gạo nếp đó vào các túi nhỏ, mỗi túi chỉ chứa được 7 kg. Bà cần ít nhất số túi để đựng hết số gạo đó là:

- A. 11 túi B. 12 túi C. 13 túi D. 14 túi

Câu 14. Một đơn vị Thanh niên xung phong có 410 người chia thành 5 đội. Hỏi mỗi đội có bao nhiêu người?

- A. 80 B. 85 C. 82 D. 95

Câu 15. Giá trị của biểu thức $45 + 40 : 5$ là:

- A. 53 B. 17 C. 49 D. 1

Câu 16. Giá trị của biểu thức $231 \times 6 : 3$ là:

- A. 442 B. 462 C. 486 D. 504

Câu 17. Kết quả biểu thức $24 + 36 \times 8$ là:

- A. 212 B. 312 C. 302 D. 480

Câu 18. Lớp 3A có 3 tổ mỗi tổ có 9 bạn và tổ thứ tư chỉ có 8 bạn. Hỏi lớp 3A có tất cả bao nhiêu học sinh?

- A. 27 bạn B. 36 bạn C. 35 bạn D. 17 bạn

Câu 19. Mẹ nuôi được 24 con gà. Số vịt mẹ nuôi nhiều gấp 3 lần số gà. Hỏi mẹ đã nuôi được bao nhiêu con vịt?

- A. 72 con B. 27 con C. 21 con D. 62 con

Câu 20. Cửa hàng có 120 kg gạo. Cửa hàng mua thêm 3 bao gạo, mỗi bao nặng 50 kg. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 270 kg B. 123 kg C. 170 kg D. 250 kg

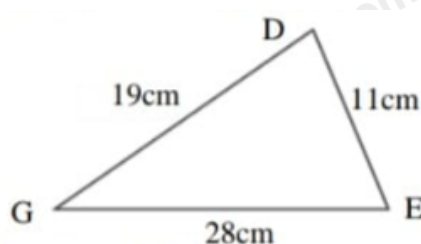
Câu 21. Lúc đầu trong rổ có 126 quả trứng. Sau một buổi bán hàng, trong rổ còn lại $\frac{1}{6}$ số trứng. Hỏi người ta đã bán bao nhiêu quả trứng?

- A. 21 quả B. 147 quả C. 105 quả D. 120 quả

Câu 22. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $1 \text{ kg} \dots\dots\dots 125 \text{ g} \times 8$ là:

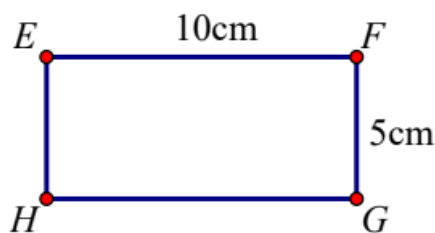
- A. > B. < C. = D. Không xác định được

Câu 23. Chu vi của hình tam giác DEG là:



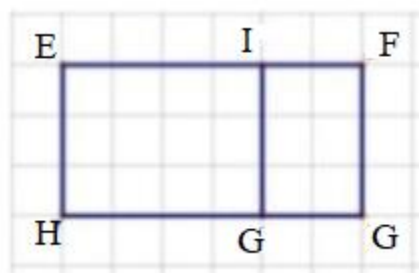
- A. 58 cm B. 38 cm C. 48 cm D. 56 cm

Câu 24. Chu vi của hình chữ nhật EFGH là:



- A. 15 cm B. 30 cm C. 20 cm D. 25 cm

Câu 25. Biết $EI = 4\text{ cm}$; $IF = 2\text{ cm}$; $FG = 3\text{ cm}$. Chu vi của hình chữ nhật EFGH trong hình dưới đây là:



- A. 18 cm B. 16 cm C. 20 cm D. 12 cm

Câu 26. Một hình vuông có chu vi là 72 cm. Cạnh của hình vuông đó là:

- A. 36 cm B. 16 cm C. 18 cm D. 20 cm

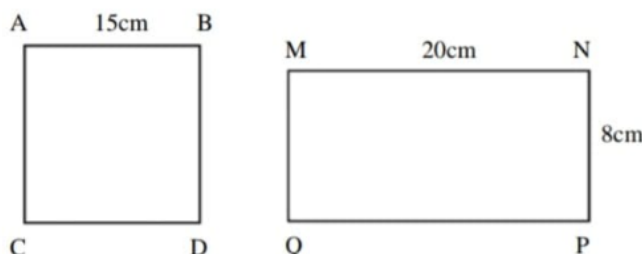
Câu 27. Một hình chữ nhật có chu vi là 50 dm. Tính chiều dài của hình chữ nhật đó, biết chiều rộng là 6 dm.

- A. 26 dm B. 44 dm C. 12 dm D. 19 dm

Câu 28. Một mảnh giấy hình chữ nhật có chiều dài 15 cm, chiều rộng 8 cm. Tính chu vi mảnh vườn hình chữ nhật.

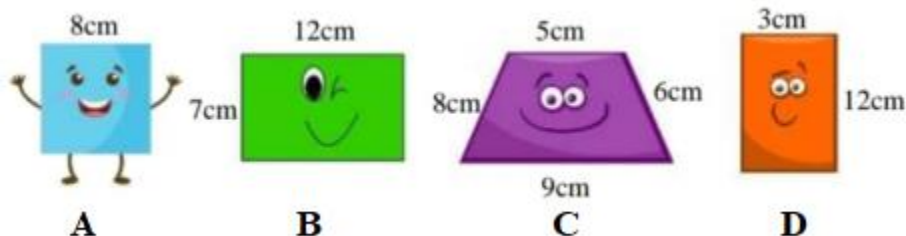
- A. 38 cm B. 40 cm C. 43 cm D. 46 cm

Câu 29. Cho hình vuông và hình chữ nhật có các kích thước như nhau:



- A. Chu vi của hình vuông ABCD bằng chu vi của hình chữ nhật MNPQ.
 B. Chu vi của hình vuông ABCD bé hơn chu vi của hình chữ nhật MNPQ.
 C. Chu vi của hình vuông ABCD lớn hơn chu vi của hình chữ nhật MNPQ.

Câu 30. Hình nào sau đây có chu vi lớn nhất?



II. Tự luận

Câu 1. Đọc và viết các số sau:

Đọc số	Viết số
Ba trăm mười lăm
	192
Chín trăm linh tám
	555

Câu 2. Đặt tính rồi tính.

168 + 734 673 – 569 576 + 249 956 – 128

Câu 3. Đặt tính rồi tính.

136 x 4 857 : 5 635 : 6 245 x 3

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

- a) 2cm = mm 40mm = cm
- b) 5dm 9mm = mm 3m = mm
- c) 2kg = g 1 l = ml

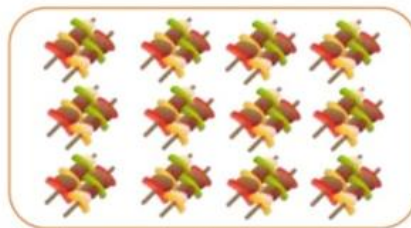
Câu 5. Tính giá trị các biểu thức sau:

- a) 79 + 34 – 19 b) 221 x (43 – 39) c) 81 : 9 x 23
- d) 130 + 154 x 2 e) 199 – 8 x 24 f) 212 + 42 : 6

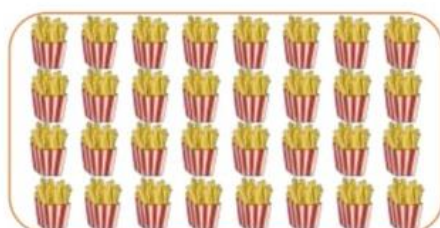
Câu 6. Thực hiện theo yêu cầu để giúp các bạn chuẩn bị món ăn cho buổi cắm trại:



Khoanh $\frac{1}{3}$ số bánh hamburger



Khoanh $\frac{1}{4}$ số thịt xiên



Khoanh $\frac{1}{8}$ số khoai tây chiên



Khoanh $\frac{1}{6}$ số chai coca

Câu 7. Một cửa hàng có 938kg gạo. Buổi sáng cửa hàng bán được 270kg, buổi chiều bán được 368kg. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu kg gạo?

Câu 8. Anh có 56 viên bi, em có ít hơn anh 12 viên bi. Hỏi cả hai anh em có tất cả bao nhiêu viên bi.

Câu 9. Năm nay bố 42 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{1}{6}$ tuổi bố. Hỏi 2 năm nữa con bao nhiêu tuổi.

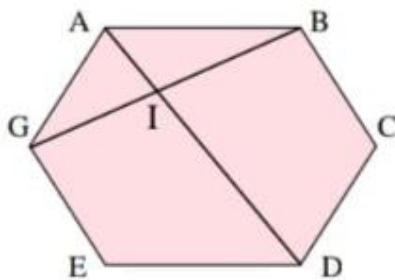
Câu 10. Một thùng đựng 84 lít mật ong. Người ta lấy ra $\frac{1}{3}$ số lít mật ong. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít mật ong.

Câu 11. Có 385m vải, may mỗi bộ quần áo hết 3m vải. Hỏi có thể may nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

Câu 12. Người ta chia khu vườn ươm cây thành 2 lô đất, mỗi lô đất có 4 hàng, mỗi hàng trồng được 105 cây con. Hỏi khu vườn đó trồng được bao nhiêu cây con?

Câu 13. Lớp 3A trồng được 42 cây, lớp 3B trồng được số cây gấp 4 lần số cây của lớp 3A. Hỏi cả hai lớp trồng được bao nhiêu cây?

Câu 14. Kể tên các hình tam giác và hình tứ giác có trong hình dưới đây:



Câu 15. Bác Hùng có một mảnh đất hình chữ nhật với chiều dài là 12m, chiều rộng là 7m. Bác muốn làm hàng rào bao quanh mảnh đất đó và hàng rào có lối đi rộng 2m. Hỏi bác Hùng cần làm bao nhiêu mét hàng rào?

Câu 16. Tính cạnh của một hình vuông, biết chu vi của hình vuông bằng chu vi của hình chữ nhật có chiều dài là 96 cm, chiều rộng là 32 cm.

C. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Trắc nghiệm

1 B	2 B	3 A	4 A	5 A	6 B	7 B	8 D	9 A	10 C
11 D	12 B	13 B	14 C	15 A	16 B	17 B	18 C	19 A	20 A
21 C	22 C	23 A	24 B	25 A	26 C	27 D	28 D	29 C	30 B

2. Tự luận

Câu 1. Đọc và viết các số sau:

Đọc số	Viết số
Ba trăm mười lăm
	192
Chín trăm linh tám
	555

Phương pháp

Đọc số hoặc viết số lần lượt từ hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.

Lời giải

Đọc số	Viết số
Ba trăm mười lăm 315
Một trăm chín mươi hai	192
Chín trăm linh tám 908
Năm trăm năm mươi lăm	555

Câu 2. Đặt tính rồi tính.

$168 + 734$

$673 - 569$

$576 + 249$

$956 - 128$

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau

- Cộng hoặc trừ lần lượt từ phải sang trái

Lời giải

$$\begin{array}{r} 168 \\ + 734 \\ \hline 902 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 673 \\ - 569 \\ \hline 104 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 576 \\ + 249 \\ \hline 825 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 956 \\ - 128 \\ \hline 828 \end{array}$$

Câu 3. Đặt tính rồi tính.

136×4

$857 : 5$

$635 : 6$

245×3

Phương pháp

- Đặt tính

- Nhân lần lượt từ phải sang trái; Chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 136 \\ \times 4 \\ \hline 544 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 857 \overline{) 5} \\ 35 \overline{) 171} \\ 07 \\ 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 635 \overline{) 6} \\ 035 \overline{) 105} \\ 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 245 \\ \times 3 \\ \hline 735 \end{array}$$

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) $2\text{cm} = \dots\dots\dots \text{mm}$ $40\text{mm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

b) $5\text{dm } 9\text{mm} = \dots\dots\dots \text{mm}$ $3\text{m} = \dots\dots\dots \text{mm}$

c) $2\text{kg} = \dots\dots\dots \text{g}$ $1 \text{ l} = \dots\dots\dots \text{ml}$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ cm} = 10 \text{ mm}$; $1 \text{ kg} = 1\,000\text{g}$; $1 \text{ lít} = 1000 \text{ ml}$

Lời giải

a) $2\text{cm} = \mathbf{20} \text{ mm}$ $40\text{mm} = \mathbf{4} \text{ cm}$

b) $5\text{dm } 9\text{mm} = \mathbf{509} \text{ mm}$ $3\text{m} = \mathbf{3\,000} \text{ mm}$

c) $2\text{kg} = \mathbf{2\,000} \text{ g}$ $1 \text{ l} = \mathbf{1\,000} \text{ ml}$

Câu 5. Tính giá trị các biểu thức sau:

a) $79 + 34 - 19$ b) $221 \times (43 - 39)$

c) $81 : 9 \times 23$ d) $130 + 154 \times 2$

e) $199 - 8 \times 24$ f) $212 + 42 : 6$

Phương pháp

- Với biểu thức chỉ chứa phép tính cộng, trừ hoặc chỉ chứa phép tính nhân, chia, ta thực hiện từ trái sang phải.

- Với biểu thức có dấu ngoặc, ta thực hiện ở trong ngoặc trước

- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải

a) $79 + 34 - 19 = 113 - 19 = 94$

b) $221 \times (43 - 39) = 221 \times 4 = 884$

c) $81 : 9 \times 23 = 9 \times 23 = 207$

d) $130 + 154 \times 2 = 130 + 308 = 438$

e) $199 - 8 \times 24 = 199 - 192 = 7$

f) $212 + 42 : 6 = 212 + 7 = 219$

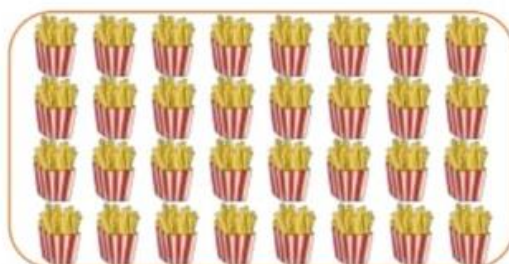
Câu 6. Thực hiện theo yêu cầu để giúp các bạn chuẩn bị món ăn cho buổi cắm trại:



Khoanh $\frac{1}{3}$ số bánh hamburger



Khoanh $\frac{1}{4}$ số thịt xiên



Khoanh $\frac{1}{8}$ số khoai tây chiên



Khoanh $\frac{1}{6}$ số chai coca

Phương pháp

Quan sát tranh rồi khoanh vào số phần theo yêu cầu

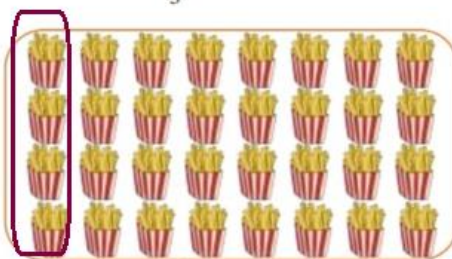
Lời giải



Khoanh $\frac{1}{3}$ số bánh hamburger



Khoanh $\frac{1}{4}$ số thịt xiên



Khoanh $\frac{1}{8}$ số khoai tây chiên



Khoanh $\frac{1}{6}$ số chai coca

Câu 7. Một cửa hàng có 938kg gạo. Buổi sáng cửa hàng bán được 270kg, buổi chiều bán được 368kg.

Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu kg gạo?

Phương pháp

- Tìm tổng số gạo cửa hàng đã bán buổi sáng và buổi chiều
- Tìm số kg gạo còn lại

Lời giải

Số kg gạo cửa hàng đã bán buổi sáng và buổi chiều là:

$$270 + 368 = 638 \text{ (kg)}$$

Cửa hàng còn lại số kg gạo là:

$$938 - 638 = 300 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 300 kg gạo

Câu 8. Anh có 56 viên bi, em có ít hơn anh 12 viên bi. Hỏi cả hai anh em có tất cả bao nhiêu viên bi.

Phương pháp

- Tìm số viên bi của em
- Tìm tổng số bi của 2 anh em

Lời giải

Số viên bi của em là:

$$56 - 12 = 44 \text{ (viên)}$$

Cả hai anh em có tất cả số viên bi là:

$$56 + 44 = 100 \text{ (viên bi)}$$

Đáp số: 100 viên bi

Câu 9. Năm nay bố 42 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{1}{6}$ tuổi bố. Hỏi 2 năm nữa con bao nhiêu tuổi.

Phương pháp

- Tuổi con = Tuổi bố : 6
- Tìm tuổi con 2 năm nữa

Lời giải

Tuổi con hiện nay là:

$$42 : 6 = 7 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi con 2 năm nữa là:

$$7 + 2 = 9 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 9 tuổi

Câu 10. Một thùng đựng 84 lít mật ong. Người ta lấy ra $\frac{1}{3}$ số lít mật ong. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít mật ong.

Phương pháp

- Tìm số lít mật ong lấy ra = Số lít mật ong trong thùng : 3
- Số lít mật ong còn lại = Số lít mật ong trong thùng – số lít lấy ra

Lời giải

Người ta lấy ra số lít mật ong là:

$$84 : 3 = 28 \text{ (lít)}$$

Trong thùng còn lại số lít mật ong là:

$$84 - 28 = 56 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 56 lít mật ong

Câu 11. Có 385m vải, may mỗi bộ quần áo hết 3m vải. Hỏi có thể may nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

Phương pháp

Thực hiện phép chia $385 : 3$ để trả lời câu hỏi của bài toán

Lời giải

Ta có $385 : 3 = 128$ (dư 1)

Vậy có thể may nhiều nhất 128 bộ quần áo và còn thừa 1 mét vải

Câu 12. Người ta chia khu vườn ươm cây thành 2 lô đất, mỗi lô đất có 4 hàng, mỗi hàng trồng được 105 cây con. Hỏi khu vườn đó trồng được bao nhiêu cây con?

Phương pháp

- Tìm số hàng của khu vườn ươm
- Tìm số cây con = Số cây mỗi hàng trồng x số hàng

Lời giải

Số hàng của khu vườn ươm là:

$$4 \times 2 = 8 \text{ (hàng)}$$

Khu vườn đó trồng được số cây con là:

$$105 \times 8 = 840 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 840 cây con

Câu 13. Lớp 3A trồng được 42 cây, lớp 3B trồng được số cây gấp 4 lần số cây của lớp 3A. Hỏi cả hai lớp trồng được bao nhiêu cây?

Phương pháp

- Tìm số cây lớp 3B trồng = số cây lớp 3A trồng x 4
- Tìm số cây cả 2 lớp trồng

Lời giải

Số cây lớp 3B trồng được là:

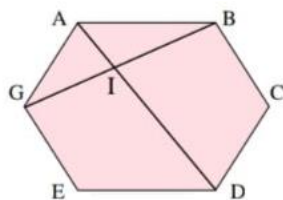
$$42 \times 4 = 168 \text{ (cây)}$$

Cả hai lớp trồng được số cây là:

$$42 + 168 = 210 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 210 cây

Câu 14. Kể tên các hình tam giác và hình tứ giác có trong hình dưới đây:



Phương pháp

Quan sát hình vẽ để kể tên các hình tam giác, hình tứ giác.

Lời giải

Các hình tam giác là: AGI, AIB, AGB

Các hình tứ giác là: AGED, ABCD, GIDE, IBCD

Câu 15. Bác Hùng có một mảnh đất hình chữ nhật với chiều dài là 12m, chiều rộng là 7m. Bác muốn làm hàng rào bao quanh mảnh đất đó và hàng rào có lối đi rộng 2m. Hỏi bác Hùng cần làm bao nhiêu mét hàng rào?

Phương pháp

- Tìm chu vi mảnh vườn hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

- Tìm độ dài hàng rào = chu vi mảnh vườn – độ rộng lối đi

Lời giải

Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là:

$$(12 + 7) \times 2 = 38 \text{ (m)}$$

Bác Hùng cần làm số mét hàng rào là:

$$38 - 2 = 36 \text{ (m)}$$

Đáp số: 36 m

Câu 16. Tính cạnh của một hình vuông, biết chu vi của hình vuông bằng chu vi của hình chữ nhật có chiều dài là 96 cm, chiều rộng là 32 cm.

Phương pháp

- Tìm chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

- Độ dài cạnh hình vuông = Chu vi hình vuông : 4

Lời giải

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(96 + 32) \times 2 = 256 \text{ (cm)}$$

Biết chu vi của hình vuông bằng chu vi của hình chữ nhật nên chu vi của hình vuông là 256 m

Độ dài cạnh hình vuông là:

$$256 : 4 = 64 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 64 cm

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com